

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16-7-2019

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh M

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Tuyên và Bà Nguyễn Thị Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1993 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã S, huyện U, TP. Hà Nội

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn L – sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã S, huyện U, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản tự khai, biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh L qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Công năm 2016; xong do gia đình anh L phản đối nên hai anh chị chỉ có đăng ký kết hôn mà không tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vì vậy, sau khi kết hôn hai vợ chồng phải đi thuê nhà sống riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung, anh L hay ghen rồi chửi đánh chị. Đồng thời, anh L có con riêng trước khi cưới chị nhưng bản thân anh L và gia đình không ai cho chị biết nay gia đình anh L muốn chị nhận đứa trẻ là con, chị không chấp nhận nên mâu thuẫn giữa chị với anh L cũng như với gia đình anh L càng trở nên trầm trọng. Chính vì vậy chị nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh L. Về con chung: chị và anh L có 01 con chung là Phạm Tuấn M – sinh ngày 02/3/2017; khi ly hôn, chị đề nghị Tòa cho chị được nuôi con vì cháu còn nhỏ và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải anh Phạm Văn L là bị đơn trình bày: Anh và chị N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Công năm 2016. Trước khi kết hôn thì chị N cũng có một đời chồng và có con riêng hiện đang ở với anh chị; còn anh cũng có một con riêng với người phụ nữ khác. Anh thừa nhận khi kết hôn anh che giấu mình có con riêng mà sau này mới nói cho chị N biết. Xong sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Trước đây, anh có tính hay ghen, có chửi đánh chị N nhưng được mọi người khuyên bảo nên anh đã thay đổi. Vì con riêng của anh đến tuổi đi học nhưng chưa có giấy khai sinh nên gia đình anh có nói chuyện với chị N để nhận cháu là con nhưng chị N không đồng ý từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và dẫn đến mâu thuẫn giữa chị N với gia đình anh. Anh cũng đã khuyên bảo, giải thích nhưng chị N không nghe. Nay chị N cương quyết xin ly hôn thì anh mong được đoàn tụ nếu muốn anh đồng ý ly hôn thì anh phải được quyền nuôi con. Anh và chị N có 01 con chung là Phạm Tuấn M – sinh ngày 02/3/2017. Khi ly hôn anh muốn nhận nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại cả hai đều có con riêng xong cháu M là con trai nên anh muốn nhận nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn thị N được ly hôn anh Phạm Văn L. Về con chung: giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Tuấn M – sinh ngày 02/3/2017. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Phạm Văn L đến tham gia phiên toà ngày 26/6/2019 nhưng do sự vắng mặt của anh L nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Công ngày 19/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; vợ chồng chung sống không có niềm tin, nghi ngờ ghen tuông nhau. Hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Về phía anh L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ còn nếu muốn anh đồng ý ly hôn thì anh phải được quyền nuôi con. Bản thân anh L không có quan điểm rõ ràng về tình cảm, anh muốn đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Hơn nữa qua xác M tại chính quyền địa phương cung cấp: Khi hai anh chị kết hôn lúc đó chị N đã ly hôn, có con riêng; anh L cũng có con riêng nên gia đình anh L phản đối. Vì vậy, vợ chồng chị N và anh L sống riêng xong chung sống được một thời gian thì hai anh chị liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh L không tu chí làm ăn, hay ghen và nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là khi gia đình anh L đề nghị chị N chấp nhận con riêng của anh L để làm thủ tục khai sinh. Mâu thuẫn của hai anh chị đã trầm trọng, nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa căn cứ thực tế và pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của đương sự cũng như người phụ nữ.

Xét thấy cuộc sống giữa chị N và anh L mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L đều xác nhận có 01 con là Phạm Tuấn M – sinh ngày 02/3/2017. Khi ly hôn, chị N và anh L đều có nguyện vọng nhận nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy, chị N và anh L đều làm lao động tự do, đều đang đi thuê nhà ở; cả hai đều có con riêng đều xin nhận nuôi con là nguyện vọng chính đáng và cũng đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Xong hiện tại cháu M - sinh ngày 02/3/2017 chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh L cho đến khi có thay đổi khác; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được quyền ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Tuấn M – sinh ngày 02/3/2017; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh L cho đến khi có thay đổi khác; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009124 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh M